*Ngày soạn: 22/09/2024*

Tiết 14,15:

**NÓI VÀ NGHE :**

**NGHE VÀ NHẬN BIẾT TÍNH THUYẾT PHỤC CỦA MỘT Ý KIẾN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- HS biết cách lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, để biết cách nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm, hợp tác để nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nắm được yêu cầu cần có khi nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 9, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV cho học sinh xem video thuyết trình của thí sinh Trần Thị Hoài My trong chương trình Tìm kiếm tài năng VN rồi nhận xét về bài thuyết trình của chị*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Chị My thuyết trình không thành công vì chưa chuẩn bị tốt nội dung cũng như cách thể hiện bài nói của mình. Vậy làm thế nào để thuyết phục người nghe và làm thế nào để nhận biết được tính thuyết phục của 1 ý kiến chúng ta sẽ đến vớibài học hôm nay chúng ta sẽ học bài “Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến”.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

- Biết được các kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **NV1: HS trao đổi, thảo luận, trình bày kết quả đã chuẩn bị ở nhà**   | Khái niệm |  | | --- | --- | | Yêu cầu về nội dung |  | | Kĩ năng nói và nghe |  |   **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh trình bày kết quả của phiếu học tập số 1 đã giao ở nhà:  *+ Trình bày hiểu biết của em về nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.*  *+ Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, các em cần lưu ý những gì?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm đã thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Định hướng**  **1.Khái niệm**   Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến là yêu cầu cần thiết trong giao tiếp, nhất là khi nghe trình bày một ý kiến nghị luận. Bởi vì mục đích của văn nghị luận là thuyết phục. Kĩ năng nghe và nhận biết tính thuyết phục của ý kiến người nói thể hiện sự chủ động trong giao tiếp ở người nghe. Người nghe cần nắm được nội dung và cách thức trình bày của người nói, nhận biết được tính thuyết phục cũng như chỉ ra được những hạn chế (nếu có), chẳng hạn, lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hoặc bằng chứng không liên quan đến vấn đề trình bày...  **2. Yêu cầu về nội dung**  Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, các em cần lưu ý:  – Bối cảnh trình bày  + Không gian, thời gian  – Xác định vấn đề trình bày  + So sánh hai văn bản  – Đối tượng người nghe  + Thầy cô, ban bè, người thân trong gia đình, ...  – Mục đích  + Nêu ý kiến, thuyết phục người nghe  – Phương tiên hỗ trợ  + Máy chiếu, màn hình, tranh, ảnh, video, sơ đồ, bảng biểu,  – Nội dung  + Mở đầu: Nêu vấn đề và lí do chọn vấn đề  + Nội dung chính:  - Trình tự các luận điểm  - Lí lẽ tương ứng với từng luận điểm  - Bằng chứng tương ứng với từng luận điểm  + Kết thúc:  - Khái quát vấn đề đã trình bày  – Cách thức, thái độ khi nói  + Hướng về người nghe, kết hợp lời nói và cử chỉ, động tác, ...; giọng điệu và âm lượng phù hợp  **3. Kỹ năng nói và nghe**  a) Những kỹ năng của người nói:  – Nội dung trình bày:  + Vấn đề trình bày được nêu rõ ràng, cụ thể  + Mở đầu nêu lên vấn đề gì?  + Ý kiến phong phú, có trong tâm, trình bày logic; lí lẽ và bằng chứng làm nổi bật được vấn đề.  – Hình thức trình bày:  + Bài trình bày có bố cục rõ ràng.  + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ phù hợp.  + Có sự sáng tạo trong trình bày.  – Tác phong, thái độ trình bày:  + Phong thái tự tin, tôn trọng người nghe, sử dụng ngôn ngữ cơ thể sinh động, phù hợp.  + Nói trôi chảy, mạch lạc, không bị ngắt quãng hoặc có những từ chêm xen (à, ờ, thì, mà, là,…)  + Tốc độ nói vừa phải, có nhấn giọng ở những nội dung quan trọng.  + Giải đáp thắc mắc cụ thể, ngắn gọn, thỏa đáng.  + Đảm bảo yêu cầu về thời gian trình bày.  b) Những kĩ năng của người nghe  - Lắng nghe, xác định và ghi lại các thông tin chính của bài trình bày; những nội dung cần hỏi lại.  - Thể hiện thái độ chú ý lắng nghe; sử dụng các yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Hỏi lại những điểm chưa rõ (nếu cần); có thể trao đổi thêm quan điểm của cá nhân về nội dung bài trình bày. |
| **\* NV2: Thực hành**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: *HS xác định mục đích nói.*  - GV hướng dẫn HS *chuẩn bị nội dung nói.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Thực hành**  **a) Chuẩn bị:**  - Chuẩn bị (ở nhà) ý kiến của cá nhân về sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ Sông núi nước Nam và văn bản Nước Đại Việt ta.  - Xem lại các hướng dẫn trong mục 1. Định hướng để nắm được cách nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, những hạn chế trong khi trình bày ý kiến...  **b) Tìm ý và lập dàn ý**  - Người nói: Tập trung vào vấn đề đã nêu ở bài tập, dựa vào gợi ý trong mục 1. Định hướng để tìm ý và lập dàn ý cho bài trình bày.  – Người nghe: chú ý các điểm cần tập trung khi nghe để nhận biết tính thuyết phục của ý kiến được trình bày và chỉ ra được những hạn chế (nếu có). Chẳng hạn, bài trình bày của người nói cần đáp ứng hệ thống ý sau đây:  ***Dàn ý***  A. Mở đầu: nêu vấn đề, mục đích bài nói là chỉ ra sự giống nhau và khác nhau của hai văn bản.  B.Nội dung chính:  \*Giống nhau:  - Về đề tài: Khẳng định chủ quyền dân tộc; đều xứng đáng là bản tuyên ngôn độc lập của nước Việt.  - Bối cảnh ra đời: đều ra đời trong quá trình chiến đấu chống giặc ngoại xâm. “Nam quốc sơn hà” được Lí Thường Kiệt viết trong quá trình đánh giặc Tống xâm lược. “Bình Ngô đại cáo” được Nguyễn Trãi viết sau khi hoàn thành đại cuộc kháng Minh và thiết lập nên triều Hậu Lê.  \*Khác nhau:  - Cơ sở khẳng định chủ quyền của Lý Thường Kiệt: là lãnh thổ và chủ quyền. lãnh thổ được phân định ở sách trời “thiên thư”; có đế vương như Trung Quốc. LTK đề cao tinh thần tự tôn của 1 dân tộc độc lập, muốn thoát ly khỏi nước lớn  - Nguyễn Trãi trong “Bình Ngô đại cáo” khẳng định độc lập tự do của Tổ quốc là do nhân dân lựa chọn và chính nhân dân hi sinh để có được chứ ko phải nhờ trời ban. Nguyễn Trãi đặt ngang các vương triều Đại Việt sánh với các triều đại phong kiến Trung Quốc để chứng minh nước Việt có truyền thống văn hiến; núi sông bờ cõi, lãnh thổ rạch ròi; có truyền thống, có phong tục; có lịch sử; có anh hùng hào kiệt.  => Có thể nói ở “Bình Ngô đại cáo”, quan niệm về quốc gia dân tộc hoàn thiện hơn so với “Nam quốc sơn hà”. Nguyễn Trãi đã kế thừa trọn vẹn “Nam quốc sơn hà” để từ đó tạo nên bản anh hùng ca bất hủ  C.Kết thúc: Khẳng định ý nghĩa và vị trí của hai văn bản đối với lịch sử dân tộc nói chung và văn học nói riêng. |

**ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ**

| **Nhóm**:………. | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nội dung đánh giá** | **Mức độ đạt được** | | |
| **Chưa đạt** | **Đạt** | **Tốt** |
| **Nội dung bài nói** | Giới thiệu được vấn đề: sự giống nhau và khác nhau giữa bài thơ “Sông núi nước Nam” và văn bản “Nước Đại Việt ta” |  |  |  |
| Đưa ra được cách các điểm giống và khác nhau trên các phương diện |  |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục |  |  |  |
| Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp hợp lý |  |  |  |
| **Cách thể hiện** | Nói có ngữ điệu phù hợp, biết nhấn giọng những chỗ cần thiết, biết nêu một số câu hỏi gợi mở nhằm kích thích sự tò mò trước những ý quan trọng |  |  |  |
| Dùng từ ngữ chính xác, gây ấn tượng, biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ |  |  |  |
| **Sự tương tác** | Nắm bắt chính xác sự chú ý của người nghe để thực hiện những điều chỉnh cần thiết về nội dung nói và cách nói; giải đáp rõ ràng, nhã nhặn các thắc mắc của người nghe. |  |  |  |
| **ĐÁNH GIÁ CHUNG: ………………..** | | | | |

**Hướng dẫn về nhà**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Nhật kí nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Quan sát, đọc tin tức và ghi chép thêm một số vấn đề xã hội; trao đổi với các bạn trong nhóm về quan điểm của bản thân em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em ghi chép sổ “Nhật ký nói”.

**HS** thực hành chọn lọc thông tin từ nhiều kênh và làm sổ nhật kí.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** tự thực hiện.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV có thể kiểm tra đột xuất, ngẫu nhiên, cho điểm thưởng với những HS có ý thức học tốt.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.